

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 993/BC-GDĐT

Cần Giờ, ngày 13 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Về tổng kết giáo dục mầm non năm học 2022 – 2023

Căn cứ Công văn số 3368/SGDĐT-GDMN ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số 1338/KH-GDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về Kế hoạch giáo dục mầm non năm học 2022-2023.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ báo cáo tổng kết giáo dục mầm non năm học 2022-2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tuyên truyền, quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non và thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Tuyên truyền, quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non:

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non và thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua trong toàn ngành. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền đến cha mẹ học sinh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo về đổi mới và phát triển giáo dục mầm non thông qua trực tiếp trao đổi, buổi họp cha mẹ học sinh, Bảng tin trường, nhóm, lớp, mạng xã hội, lồng ghép các cuộc họp, đáng bản tin... Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Trung tâm văn hóa truyền thông huyện, các ban ngành, đoàn thể, địa phương tuyên truyền đến người dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ về đổi mới và phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn huyện.

Kết quả: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nắm bắt kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non.

- Các cuộc hội thảo, tập huấn, tuyên truyền vận động và phong trào thi đua:

Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức đợt phát động phong trào thi đua: 01 (Tổ chức phát động phong trào thi đua năm học 2022-2023; số cán bộ quản lý, giáo viên tham dự 35 người).

Các hoạt động tuyên truyền, vận động phong trào thi đua như: Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, Phong cách Hồ Chí Minh”. Đẩy mạnh thực hiện các nội dung: Phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; Phong trào “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương tự học và sáng tạo”. Các phong trào trên được phát động trong toàn ngành vào thời điểm đầu năm học, số lượng cán bộ quản lý, giáo viên tham gia: 150 người.

Kết quả: Các đơn vị đã thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị. Tham gia tích cực các phong trào thi đua, hoạt động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tại trường, các xã, thị trấn và ngành Giáo dục phát động, tham gia viết bài về Bác, các hội thi... góp phần làm chuyển biến nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Trong năm học có 06 tập thể được Huyện khen thưởng (Mầm non Đồng Tranh, Mầm non Bình An, Mầm non Tam Thôn Hiệp, Mầm non Dơi Lầu, Mầm non Long Hòa, Mầm non Cần Thạnh); có 44 cá nhân giáo viên được tuyên dương khen thưởng.

Phong trào Lao động giỏi, lao động sáng tạo; Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học; Thi đua “Dạy tốt, học tốt”; Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”... có 32 giáo viên được khen thưởng.

- Việc triển khai không gian văn hóa Hồ Chí Minh

Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trường học xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại đơn vị; lựa chọn vị trí đặt Không gian văn hóa Hồ Chí Minh” trang trọng và mọi người dễ quan sát. Qua tái hiện lại các hình ảnh thể hiện cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các nội dung tương ứng với các chủ điểm: mối quan tâm, tình yêu thương của Bác dành cho giáo dục; cách thức mà cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường vận dụng để lan tỏa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Những tác phẩm, lời căn dặn của Bác được toàn cán bộ, giáo viên, nhân viên và các cháu trong nhà trường tích cực học tập, vận dụng vào công việc và cuộc sống. Điểm nhấn trong không gian xây dựng văn hóa Hồ Chí Minh là người đọc có thể tra cứu thêm trên không gian mạng những nội dung hữu ích khác bằng cách tra cứu thêm mã QR.

Kết quả: Có 11/11 trường mầm non xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh, tỷ lệ 100%; có 02 trường đạt giải Hội thi Xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh cấp huyện gồm trường Mầm non Đồng Tranh đạt giải II và trường Mầm non Long Hòa đạt giải III.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

2.1 Việc triển khai, chỉ đạo thực hiện các văn bản chính sách về giáo dục mầm non

Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 6964/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm

2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn huyện cần Giờ.

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho trẻ quy định tại: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số rất ít người.

Triển khai kịp thời đầy đủ các chế độ chính sách, học phí, hỗ trợ chi phí học tập, các chế độ chính sách chung và đặc thù cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo 100% học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, diện chính sách có điều kiện đến trường. Tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật thụ hưởng thành quả giáo dục tốt nhất; tăng cường giáo dục kỹ năng hòa nhập của trẻ khuyết tật.

Thực hiện triển khai kịp thời các văn bản của cấp trên về lương và các khoản phụ cấp khác đến cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường như: Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ - Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư 05/2005/TT-BNV về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phụ cấp cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên ngành giáo dục trong chỉ tiêu biên chế được giao công tác tại 36 xã trên địa bàn các huyện được điều chỉnh từ 500.000 đồng lên 700.000 đồng/người/tháng; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố là chính sách hỗ trợ cho Ngành y tế, giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ thực hiện trợ cấp phần chi phí đi lại cho giáo viên từ nơi khác đến công tác tại các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở tại xã Thạnh An với một mức chung là 600.000 đồng/người/tháng áp dụng kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018; Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ giáo dục mầm non thành phố.

2.2 Việc đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn, không phát sinh hệ thống hồ sơ sổ sách so với quy định...

Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị bồi dưỡng, định hướng giáo viên thực hiện đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng trọng tâm, linh hoạt, đảm bảo tất cả giáo viên nắm bắt nội dung sinh hoạt; các Tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động theo Điều lệ trường mầm non: Hội chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, không phát sinh hệ thống hồ sơ sổ sách so với quy định.

- Thực hiện công khai theo qui định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

11/11 trường mầm non, tỷ lệ 100% đơn vị thực hiện nghiêm túc Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, cụ thể:

Thực hiện tốt các nội dung công khai như: Chất lượng chăm sóc, giáo dục; cơ sở vật chất; tình hình đội ngũ; công tác thu chi tài chính... đối với cha mẹ học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường với nội dung và hình thức đúng quy định.

Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong ngành đã phát huy tính dân chủ trong công tác công khai, nắm và thực hiện đúng theo quy định của tinh thần Thông tư. Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện công khai của các đơn vị. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giải thích đối với cha mẹ học sinh về các nội dung liên quan đến Thông tư 36 và các thông tin có liên quan khi có nhu cầu.

Cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp tại nhóm, lớp, thông qua bản tin của trường, nhóm lớp, trao đổi trực tiếp với giáo viên... để biết các thông tin về nội dung công khai theo Thông tư số 36.

Trong năm Phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập đoàn kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Đồng Tranh (01 trường) về nội dung công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”. Kết quả: Nhà trường thực hiện nội dung theo quy định, đến thời điểm kiểm tra chưa phát hiện những sai sót trong quá trình thực hiện.

2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN

- Triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất (hình thức, nội dung, thời gian, thành phần đoàn...)

Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non theo Kế hoạch số 1359/KH-GDDT ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về kế hoạch công tác kiểm tra năm học 2022-2023. Thành phần tham gia đoàn kiểm tra tùy vào nội dung cuộc kiểm tra phân công thành phần tham dự phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao, lĩnh vực được phân công phụ trách; các cuộc kiểm tra đều cơ cấu lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo làm trưởng đoàn, chuyên

viên phụ trách công tác kiểm tra của phòng Giáo dục và Đào tạo làm Phó trưởng đoàn và các chuyên viên làm thành viên tham gia đoàn; số lượng thành phần đoàn kiểm tra dao động từ 04 đến 07 người; tùy theo nội dung có thể cơ cấu Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trong Ban chất lượng chuyên môn huyện tham gia. Trong năm học 2022-2023 số lượng cuộc kiểm tra 05 cuộc; nội dung và địa điểm kiểm tra cụ thể:

Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Lý Nhơn về hồ sơ thi đua, khen thưởng, kỷ luật viên chức; hồ sơ trường học thông minh; hồ sơ chuyển đổi số; công tác văn thư, lưu trữ.

Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Bình An về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phản ánh; công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; hồ sơ thực hiện Nghị quyết 04.

Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Đồng tranh về công tác kiểm tra nội bộ trường học; quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện quy chế công khai; quy chế tuyển sinh và quy tắc ứng xử của đơn vị.

Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp về công tác xây dựng trường học an toàn, thân thiện, cảnh quan, vệ sinh môi trường, phòng chống bạo lực học đường; giáo dục kỹ năng sống; công tác bán trú.

Kiểm tra trách nhiệm của Hiệu trưởng Trường Mầm non Dơi Lầu về Kiểm tra công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, hoạt động thư viện; quản lý thu, sử dụng học phí và thu khác; công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ giáo viên.

Ngoài ra phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra tại 11/11 trường mầm non như việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; chuyên đề nhận đón trẻ; vệ sinh an toàn thực phẩm; lượng giá, khuyến cáo tình trạng dinh dưỡng của trẻ; mô hình chăm sóc nuôi dưỡng; vườn cây của bé; môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; Xây dựng môi trường thiên nhiên tăng cường vận động cho trẻ; tình hình tổ chức chuyên đề, các chuyên đề củng cố; lồng ghép kiểm tra công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; công tác phòng chống bạo hành trẻ tại các đơn vị...

Nhìn chung các đơn vị thực hiện có hiệu quả nội dung chuyên đề, quan tâm sắp xếp, bố trí đồ dùng khu vực bếp đảm bảo theo quy trình bếp một chiều; trang trí môi trường hoạt động theo hướng tích cực cho trẻ; tổ chức cân đo, theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ kịp thời. Số lượng 11 cuộc kiểm tra nội dung công tác phòng chống bạo hành trẻ.

Kiểm tra các trường về kết nối mạng nội bộ để kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên. Kết quả có 11/11 đơn vị kết nối mạng nội bộ kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên.

Qua công tác kiểm tra đánh giá đúng thực trạng tình hình của đơn vị đồng thời so sánh với mặt bằng chung của địa phương cũng như sự vận động phát triển của nhà trường trong thời gian qua. Từ vấn các giải pháp những vấn đề Hiệu trưởng còn hạn chế đồng thời thúc đẩy việc tuân thủ các qui định của pháp luật về giáo dục. Thông qua kiểm tra, kiến nghị với các cấp quản lý nhà nước điều chỉnh, bổ sung các điều kiện nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, công tác tài chính, công tác quản lý tài sản, công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường...

- Công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc quản lý GDMN, đặc biệt là GDMN tư thục, dân lập...

Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn liên quan đến lĩnh vực giáo dục như: công tác tuyển sinh, huy động trẻ đến trường, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục địa phương, giai đoạn; xác nhận hộ nghèo, cận nghèo để giải quyết chế độ cho trẻ, hỗ trợ chi phí học tập; chế độ miễn giảm học phí theo quy định và kịp thời.

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc giám sát việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; giám sát bạo lực học đường; giám sát tình hình sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ và phối hợp trong phòng chống dịch, bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện.

Huyện Cần Giờ không có cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

- *Biện pháp xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm (nội dung vi phạm, số đơn vị bị xử lý, hình thức xử lý...):* Không

3. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất trường, nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

3.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp công lập:

- Tổng số trường: công lập 11 (huyện Cần Giờ không có loại hình ngoài công lập).

- Tổng số nhóm, lớp: 99; riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi: 35 lớp

- Tổng số trẻ: 2,874 (trong đó: trẻ nhà trẻ: 479; trẻ mẫu giáo: 2,395; trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 986.

+ Trẻ nhà trẻ đến trường, nhóm trẻ: 479/2000, tỉ lệ: 24%

+ Trẻ mẫu giáo đến trường, lớp: 2395/3423, tỷ lệ: 70%

+ Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường, lớp: 986/994, tỷ lệ: 99,2%; trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN: 986/986, tỷ lệ: 100%.

+ Số trẻ nhà trẻ được ăn bán trú: 479/479, tỷ lệ 100%; Số trẻ mẫu giáo được ăn bán trú: 2225/2395, tỷ lệ: 93%.

+ Số trẻ mẫu giáo học 2 buổi/ngày: 2378/2395, tỷ lệ: 99,3%.

- Số trẻ học 2 buổi/ngày: 2857/2874, tỷ lệ 99,4%

+ Nhà trẻ 479/479, tỷ lệ: 100% ; Mẫu giáo: 2378/2395, tỷ lệ: 99,3%;

+ Trẻ mẫu giáo 5 tuổi học 2 buổi/ngày 986/986, tỷ lệ: 100%

- Số trẻ có mã định danh: 2873/2874, tỷ lệ 99,96%; trong đó: nhà trẻ 478/479, tỷ lệ: 99,8%; mẫu giáo 2395/2395, tỷ lệ 100%; trẻ mẫu giáo 5 tuổi 986/986, tỷ lệ 100%.

3.2. Rà soát, sắp xếp phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng cường CSVC cho các cơ sở giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

3.2.1 Công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non, đặc biệt tại các địa bàn dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất...

- Giải pháp phát triển các cơ sở GDMN dân lập, tư thực phù hợp quy hoạch và phát triển bền vững để giảm áp lực cho trường mầm non công lập...: huyện Cần Giờ chưa có loại hình này.

3.2.2. Việc rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW và Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018

Số lượng trường được sát nhập: không

Số nhóm, lớp sau khi được sát nhập/trường: 00/trường; Số điểm trường: không.

Thuận lợi, khó khăn và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện: không

3.2.3. Việc triển khai thực hiện Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình GDMN, phổ thông giai đoạn 2018 – 2025”

- Tổng kinh phí để xây dựng trường mầm non công lập:

+ Số trường được đầu tư xây dựng mới: 00; Tên trường: 00; kinh phí: 00.

+ Số trường được sửa chữa, cải tạo: 03 trường; tên trường và kinh phí, cụ thể:

STT	Đơn vị	Kinh phí thực hiện
1	Mầm non Đồng Tranh	19.700.000
2	Mầm non Thạnh An	54.992.000
3	Mầm non tam Thôn Hiệp	15.059.000
Tổng cộng:		89.751.000

Để chuẩn bị năm học 2023 – 2024, Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận chủ trương sửa chữa, bổ sung thiết bị cho 03 trường, cụ thể:

STT	Đơn vị	Kinh phí thực hiện
1	Mầm non Bình An	2.600.000.000
2	Mầm non Bình Khánh	1.900.000.000
3	Mầm non Cần Thạnh	1.200.000.000
Tổng cộng:		5.700.000.000

- Việc rà soát, đảm bảo đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định. Bổ sung đồ chơi, học liệu tại các cơ sở GDMN.

+ 11/11 trường mầm non, tỷ lệ 100% các đơn vị trang bị tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu đã được quy định trong danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

+ 11/11 trường, tỷ lệ 100% cơ sở giáo dục mầm non làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ. Tổ chức Hội thi về làm đồ dùng, đồ chơi trong lớp, ngoài trời...

+ Kinh phí mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị; tài liệu, học liệu phù hợp với thực hiện nội dung chương trình GDMN. Tổng kinh phí: 462.831.255 đồng (Bốn trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm ba mươi một ngàn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

- Việc tổ chức, phát động làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu; có nhận định đánh giá.....; kết quả; kinh phí.../đồng:

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức Hội thi làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo nhằm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học tại các đơn vị. Qua Hội thi nhằm hình thành phong trào thường xuyên nghiên cứu tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi, phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc và giáo dục trong nhà trường. Các đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ; kinh phí: khoảng 125.315.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm mười lăm ngàn đồng).

3.2.4 Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện tốt công tác nâng cao chất lượng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018.

Số trường đăng ký tái kiểm định chất lượng giáo dục: 03/03 trường; tỉ lệ: 100%. Hiện tại có 01 trường (MN Lý Nhơn được công nhận, 02 trường (MN Cần Thạnh, MN Tam Thôn Hiệp) đang chờ Quyết định công nhận.

Số trường đăng ký tái thẩm định đạt chuẩn quốc gia mức 1: 02/02 (Mầm non Cần Thạnh và trường Mầm non Tam Thôn Hiệp); Mức độ 2: không có; (Trong đó thẩm định lại: 02; Công nhận mới: không có).

Đến nay, cấp học mầm non có 09/11, tỷ lệ: 81,8%% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Có 10/11, tỷ lệ: 90,9% trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Trong năm học có 03 trường tái Kiểm định chất lượng giáo dục trường (MN Lý Nhơn, MN Cần Thạnh, MN Tam Thôn Hiệp) và 02 trường tái thẩm định đạt chuẩn quốc gia (MN Cần Thạnh, MN Tam Thôn Hiệp).

- Công tác đầu tư xây dựng, duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; nhất là các trường đạt chuẩn đang xuống cấp....; kinh phí đầu tư... (cụ thể):

Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận chủ trương sửa chữa, bổ sung thiết bị cho 03 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, cụ thể:

STT	Đơn vị	Kinh phí thực hiện
1	Mầm non Bình An	2.600.000.000

2	Mầm non Bình Khánh	1.900.000.000
3	Mầm non Cần Thạnh	1.200.000.000
Tổng cộng:		5.700.000.000

4. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

4.1. Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Việc thực hiện số hóa hồ sơ:

Kịp thời cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu trên hệ thống phần mềm PCGD-XMC; thường xuyên rà soát, đối chiếu, so sánh số liệu trẻ em giữa báo cáo thống kê và báo cáo phổ cập để đảm bảo tính chính xác.

Chỉ đạo các trường mầm non phối hợp thực hiện tốt công tác điều tra, huy động trẻ 5 tuổi đến trường, lớp; năm học 2022-2023 huy động 986/994 trẻ 5 tuổi ra lớp, tỷ lệ 99,3%.

Hồ sơ phổ cập được lưu trữ đầy đủ, khoa học hàng năm; thực hiện báo cáo, thống kê đúng tiến độ. Đã cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo, khai thác dữ liệu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên hệ thống công thông tin điện tử, quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn huyện.

- Công tác triển khai rà soát, đối chiếu, so sánh số liệu các biểu thống kê, thực hiện báo cáo đảm bảo tính chính xác... (khó khăn, thuận lợi và đề xuất giải pháp khắc phục).

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Đề án Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi và các Thông tư, văn bản... về công tác phổ cập giáo dục mầm non đến tất cả hiệu trưởng các trường trên địa bàn huyện. Trong đó có Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.... Các trường đã nhận thức tốt và có nhiều cố gắng trong việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ tại đơn vị.

Chuyên trách phổ cập xã, thị trấn thực hiện tốt công tác điều tra, thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao trong thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; hồ sơ phổ cập được lưu trữ đầy đủ, khoa học hàng năm; thực hiện báo cáo, thống kê đúng tiến độ. Đã tổ chức triển khai cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo, khai thác dữ liệu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên hệ thống công thông tin điện tử, quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn huyện đảm bảo tính chính xác.

Chỉ đạo các trường cập nhật thường xuyên phần mềm phổ cập, số liệu đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp khó khăn như sau: Phòng mềm thống kê trên sơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo tính độ tuổi của

trẻ theo tháng sinh, trong khi đó phần mềm phổ cập tính độ tuổi của trẻ theo năm sinh nên số lượng trẻ trong từng độ tuổi không khớp với nhau.

- Việc bố trí đảm bảo đủ giáo viên dạy các lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định.

Phòng Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo các trường mầm non bố trí giáo viên dạy lớp 5 tuổi đảm bảo theo quy định, ưu tiên giáo viên đạt chuẩn trình độ dạy lớp 5 tuổi (theo luật giáo dục năm 2019). Trong năm học 2022-2023 có 35 lớp 5 tuổi; 71 giáo viên; tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 2.2 giáo viên/lớp (trong đó có 06 lớp 5 tuổi học 02 buổi/ngày (có 01 giáo viên /lớp) tại các điểm trường như điểm Bình Thạnh, điểm Bà xá thuộc trường Mầm non Bình An; điểm Thiêng Liêng thuộc trường mầm non Thạnh An; điểm Hòa Hiệp thuộc trường mầm non Long Hòa, điểm An Hòa trường mầm non Tam Thôn Hiệp, điểm Doi Lầu thuộc trường Mầm non Doi Lầu).

- Việc xây dựng kế hoạch, tập huấn, kiểm tra, công nhận duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi...

Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm học 2022-2023. Trong đó quan tâm chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác phổ cập giáo dục; tăng cường kiểm tra các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục mầm non các tiêu chí theo đề án nhằm đảm bảo công tác phổ cập giáo dục đạt hiệu quả cao.

Nhận định: Huyện Cần Giờ có 07/07 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Các trường Mầm non, các xã, thị trấn đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn huyện... Số trẻ 5 tuổi huy động 986/994 trẻ 5 tuổi ra lớp, tỷ lệ 99,2%.

5. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

5.1. Việc xây dựng phương án và sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình các dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ

- Việc phối hợp với ngành y tế địa phương thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh (dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác.....)

11/11 đơn vị, tỷ lệ 100% thực hiện tốt công tác phối hợp với ngành y tế xã, thị trấn thực hiện công tác vệ sinh, tẩy trùng trường, lớp học, đồ dùng, đồ chơi và các yêu cầu về phòng chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác của Chính phủ theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ GDĐT.

Phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng, Trạm y tế các xã, thị trấn tổ chức phun thuốc sát trùng tại 11/11 trường mầm non để đảm bảo yêu cầu về an toàn phòng chống dịch bệnh.

Phối hợp với phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng huyện triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non. Các đơn vị phối hợp với Trạm y tế xã, thị trấn trong công tác phòng chống dịch bệnh cho trẻ tại trường.

Các đơn vị phối hợp Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ tổ chức Báo cáo chuyên đề sức khỏe: biện pháp phòng ngừa “bệnh Sốt xuất huyết; bệnh Bạch hầu, bệnh thừa cân, béo phì” đến cha mẹ học sinh. Đảm bảo 02 lần /năm theo quy định.

- Công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở GDMN trong phòng, chống dịch COVID-19; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống tai nạn thương tích; các quy định về đảm bảo an toàn cho trẻ

Phòng Giáo dục và Đào tạo thành lập đoàn kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch Covid và dịch bệnh khác tại các trường; số đơn vị được kiểm tra 11/11 đơn vị, tỷ lệ 100%; số lượt kiểm tra 22 lượt. Kết quả các cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tổ chức dạy học trực tiếp cho trẻ.

Đón đoàn kiểm tra Sở Y tế, Trung tâm Y tế huyện đến kiểm tra các trường về công tác phòng chống dịch tại các đơn vị.

- Báo cáo kết quả xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non (theo Thông tư 45/TT-BGDĐT).

Tổ chức tuyên truyền, bồi dưỡng Thông tư 45/TT-BGDĐT đến các trường mầm non trên địa bàn huyện nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cộng đồng về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Từ đó có sự thay đổi về hành vi, nếp sống phù hợp để từng bước hạn chế tai nạn thương tích trong cuộc sống; Nâng cao năng lực, trách nhiệm phòng, chống tai nạn thương tích. Xây dựng trường học an toàn, thân thiện. Chú trọng nội dung phòng chống, hạn chế tai nạn thương tích giao thông, bạo lực, đuối nước, phòng cháy chữa cháy nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ tai nạn thương tích của học sinh trong và ngoài trường học.

11/11 trường mầm non được kiểm tra công tác phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống tai nạn thương tích; các quy định về đảm bảo an toàn cho trẻ, tỷ lệ 100%. Công tác kiểm tra được lồng ghép vào đợt kiểm tra chuyên môn, chuyên đề, kiểm tra thường xuyên. Kết quả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có nhận thức trong công tác phòng, chống tai nạn thương tích. Các đơn vị quan tâm thực hiện tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ đến cha mẹ học sinh và cộng đồng; rà soát các nguy cơ gây tai nạn thương tích và có biện pháp phòng tránh, không để xảy ra tai nạn thương tích trong nhà trường, trong đó đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác quản lý, tuyên truyền giáo dục về kỹ năng phòng, chống về tai nạn giao thông, tai nạn thương tích, đuối nước....; tổ chức hướng dẫn học sinh kỹ năng thoát nạn khi có sự cố về phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ xảy ra trong nhà trường phù hợp với kiến thức của trẻ mầm non. Duy trì và đẩy mạnh việc lồng ghép nội dung giáo dục Phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng trường học an toàn vào Chương trình giáo dục mầm non các lứa tuổi thông qua các hoạt động trong trường học.

5.2. Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em

- Công tác quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định:

Các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức cho trẻ Nhà trẻ, Mẫu giáo ăn 1 bữa chính và 1 bữa xế theo đúng độ tuổi, tổ chức uống sữa bổ sung theo số tiền ăn trẻ đóng trong ngày. Ngoài ra có 04/11 đơn vị tổ chức cho trẻ ăn sáng theo nhu cầu đăng ký của phụ huynh (Mầm non Bình Khánh, Mầm non Cần Thạnh, Mầm non Cần Thạnh 2 và Mầm non Long Hòa). Các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng thực đơn đa dạng,

từng thực đơn được nghiên cứu phối hợp các thực phẩm tốt để đảm bảo chất dinh dưỡng hợp lý. Thực hiện nghiêm túc quy định trong kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo quy định 1246/QĐ-BYT của Bộ y tế.

Các cơ sở giáo dục mầm non có bếp ăn được thiết kế theo nguyên tắc một chiều là chuỗi các hoạt động công việc trong bếp ăn đều tuân thủ theo một chiều nhất định. Mọi hoạt động trong nhà bếp diễn ra theo đúng trình tự: Nguyên liệu đầu vào, sơ chế (làm sạch, rửa), cắt, xắt, lưu trữ – bảo quản thực phẩm, nấu nướng, chia đồ, vận chuyển – phục vụ, vệ sinh (dọn rửa dụng cụ chế biến)... Phải tách riêng thực phẩm sống với thực phẩm chín. Xây dựng nội quy bếp ăn và thực hiện nghiêm túc tại các đơn vị.

Nhà bếp được đảm bảo các quy định chung như quy định về phòng chống cháy nổ; quy định về an toàn lao động; quy định về tuân thủ nguyên tắc bếp ăn một chiều; quy định về trang phục của nhân viên nhà bếp; quy định về định lượng suất ăn cho các bé; quy định về sử dụng và bảo quản đồ dùng; quy định về tư trang cá nhân; quy định về giờ làm việc...

Các cơ sở giáo dục mầm non lựa chọn nguồn cung cấp thực phẩm uy tín, có địa chỉ rõ ràng và thực hiện ký hợp đồng cam kết trách nhiệm với nhà cung cấp. Tên, địa chỉ của đơn vị cung cấp thực phẩm được công khai trên bảng tin của nhà trường để phụ huynh học sinh cùng giám sát. Toàn bộ nhân viên nấu ăn đều được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm và thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- *Việc tăng cường giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe*

11/11 trường mầm non tổ chức giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe như: Rửa tay thường xuyên, vệ sinh răng miệng sau khi ăn và trước khi ngủ, thường xuyên tắm rửa, thay quần áo bất cứ khi nào cần thiết, trẻ tự rửa mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. Các thói quen, hành vi văn minh khi ăn, uống, mặc, ngủ. Giúp cho trẻ hiểu đó là nhiệm vụ chung và việc của trẻ là thực hành việc giữ gìn vệ sinh cá nhân sạch sẽ, nhắc nhở và dạy trẻ biết những hậu quả xấu nếu trẻ không giữ vệ sinh đúng cách.

- *Số trẻ đến trường, lớp được kiểm tra sức khỏe 2874/2874; tỷ lệ: 100% số lần/năm 01 lần/năm.*

- *Số trẻ đến trường, lớp được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới 2874/2874; tỷ lệ: 100% số lần/năm 01 lần/năm.*

- *Việc phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ để phòng, chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì.*

Các cơ sở giáo dục tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì, cụ thể:

- Nội dung tuyên truyền: Tuyên truyền về thực đơn của trẻ thừa cân, béo phì: tư vấn cha mẹ học sinh một số thực đơn đa dạng, từng thực đơn được nghiên cứu phối hợp các thực phẩm tốt để đảm bảo chất dinh dưỡng hợp lý cho trẻ thừa cân, béo

phì; Công khai việc ký kết hợp đồng cung ứng thực phẩm giữa trường với công ty cung cấp thực phẩm uy tín có cơ sở pháp nhân; Công khai tài chính ở bảng tin trường.

- Chăm sóc sức khỏe: 11/11 trường mầm non thực hiện cân đo, theo dõi theo quý, trong đó trẻ từ 24 tháng tuổi trở lên, trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì được cân đo theo dõi sức khỏe hằng tháng. Tổ chức khám sức khỏe và tẩy giun định kỳ 2 lần/năm học, tỉ lệ: 100%. Có chế độ bài tập vận động hợp lý và chế độ bổ sung rau, củ vào bữa ăn hàng ngày cho trẻ thừa cân béo phì và chế độ chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng qua việc phối hợp phụ huynh tăng cường sữa cho trẻ.

- Chăm sóc bữa ăn: Các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức cho trẻ Nhà trẻ, Mẫu giáo ăn 1 bữa chính và 1 bữa xế theo đúng từng độ tuổi, tổ chức uống sữa bổ sung theo số tiền ăn trẻ đóng trong ngày (27.000 đồng/ngày, tính cả ga, hỗ trợ điện, nước).

- Rèn luyện thể lực: Tăng cường cho trẻ vận động, vận động ngoài trời nhằm rèn luyện cơ thể, tăng cường sức đề kháng để chống lại bệnh tật đồng thời tạo cho trẻ có tinh thần sảng khoái tích cực trong các hoạt động hàng ngày thông qua giờ học thể dục, thể dục buổi sáng (hoạt động ngoài trời, trò chơi vận động, tham quan), phút thể dục trong các giờ học khác, sau khi ngủ dậy và hoạt động lao động chăm sóc bảo vệ môi trường như nhặt lá, chăm sóc cây, lau lá cây... Tăng cường thường xuyên các bài tập vận động đối với trẻ thừa cân – béo phì như: Trẻ được chạy, nhảy, leo trèo, chơi các trò chơi kéo co...

Hình thức: Thông qua Trao đổi trực tiếp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, bài tin niêm yết bản tin trường/ lớp, qua phát thanh của trường, qua buổi báo cáo chuyên đề, qua buổi Hội nghị cha mẹ học sinh cấp lớp...Số lượng người tham dự: 2.081 cha mẹ học sinh. Kinh phí, hỗ trợ khác: khoảng 35.000.000 đồng (chi trả cho Báo cáo viên và tổ chức hội thi).

- *Kết quả chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân, thể thấp còi); trẻ thừa cân, béo phì (tính đến thời điểm cuối năm học 2022-2023)*

Độ tuổi	Tổng số	Trẻ SDD thể nhẹ cân	Trẻ SDD thể thấp còi	Trẻ SDD thể còi	Trẻ thừa cân-béo phì
- Trẻ Nhà trẻ	479				
+ Đầu vào		24	12	12	61
Tỷ lệ ¹		4,8	2,4	2,4	12,3
+ Phục hồi		19	9	9	16
Tỷ lệ ²		79,2	75	75	26,2
+ Đầu ra		5	3	3	45
Tỷ lệ		1,0	0,6	0,6	9,4
-Trẻ Mẫu giáo	2395				
+ Đầu vào		119	62	62	848
Tỷ lệ ³		4,9	2,6	2,6	35,4
+ Phục hồi		104	54	54	201
Tỷ lệ ⁴		87,4	87,1	87,1	23,7

¹ So với tổng số trẻ nhà trẻ (đầu vào, đầu ra)

² So với đầu vào

³ So với tổng số trẻ mẫu giáo (đầu vào, đầu ra)

+ Đầu ra		15	8	8	647
Tỷ lệ		0,6	0,3	0,3	27,0

5.3 Nâng cao chất lượng thực hiện, phát triển Chương trình GDMN

- Triển khai tổ chức các chuyên đề.....; tên chuyên đề.....; số lớp; số người tham dự; kinh phí....:

Năm học 2022-2023 Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ tổ chức 03 chuyên đề; 03 lớp, số người tham dự 98 lượt người; tổng kinh phí 3.150.000 đồng, cụ thể như sau:

Tổ chức Chuyên đề “Tổ chức hoạt động phát triển thể chất trong trường mầm non” tại trường Mầm non Bình Khánh vào ngày 10 tháng 01 năm 2023 với 33 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự.

Tổ chức Chuyên đề “Thao tác vệ sinh cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo” tại trường Mầm non Long Hòa vào ngày 14 tháng 3 năm 2023 với 35 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự.

Tổ chức Chuyên đề “Tổ chức hoạt động cho trẻ Nhà trẻ làm quen với âm nhạc” tại trường Mầm non Bình An vào ngày 28 tháng 4 năm 2023 với 30 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao năng lực theo tài liệu Bộ Giáo dục và Đào tạo: số lớp 10; số người tham dự 330 lượt người tham dự; kinh phí: 3.000.000 (chi trả báo cáo viên).

Tập huấn bằng đánh giá trẻ toàn cầu GGA

Triển khai chương trình “Tôi yêu Việt Nam” – Hướng dẫn GDATGT cho trẻ MN.

Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non.

Hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ Nhà trẻ.

Hướng dẫn tổ chức thao tác vệ sinh cho trẻ nhà trẻ

Hướng dẫn giáo viên nâng cao năng lực sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật cho trẻ thông qua hoạt động tạo hình.

Rút kinh nghiệm bằng tin.

Hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non Theo thông tư 45/TT-BGDĐT.

Hướng dẫn tổ chức hoạt động cho trẻ Nhà trẻ làm quen với hoạt động tạo hình và âm nhạc.

Giáo dục kỹ năng tiền học đường cho trẻ em khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non

- Kết quả triển khai Chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025 (Năm thứ 2)

⁴ So với đầu vào

Qua 2 năm thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025 (Năm thứ 2), kết quả đạt được như sau:

+ Đối với các đơn vị trường học: Đã xây dựng được môi trường trong và ngoài lớp an toàn, mang tính thẩm mỹ, phù hợp với nhu cầu hoạt động của trẻ. Tạo môi trường sư phạm đa dạng, phong phú, hấp dẫn phù hợp với nội dung trong Bộ tiêu chí thực hành Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm.

+ Đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành

Nắm được mục đích, yêu cầu, phương pháp xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non. Xây dựng kế hoạch giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non phù hợp với trẻ, với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

Xây dựng nội dung, cách thức tuyên truyền với các bậc phụ huynh về triển khai thực hiện chuyên đề phù hợp. Thu hút được sự quan tâm của phụ huynh đối với nhà trường, hợp tác cùng với giáo viên trong việc xây dựng môi trường cho trẻ, đóng góp công sức, kinh phí đầu tư mua sắm thêm thiết bị, dụng cụ, đồ chơi cho trẻ vui chơi.

Xây dựng, sắp xếp môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp, kích thích sự sáng tạo và ham hiểu biết cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ được tham gia các hoạt động mọi lúc mọi nơi.

Đổi mới về xây dựng kế hoạch giáo dục, về phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức, sáng tạo trong việc tổ chức thực hiện chuyên đề. Tổ chức đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ dựa trên mức độ đạt so với mục tiêu, trên cơ sở đó sử dụng kết quả đánh giá để xây dựng kế hoạch giáo dục, điều chỉnh kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục tiếp theo cho phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích, kinh nghiệm sống của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp.

Năm học 2021-2022 có 04 giáo viên tham gia Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi chủ đề: “Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục” cấp Thành phố; Kết quả: 01 giáo viên trường Mầm non Cần Thạnh 2 đạt giải II; 01 giáo viên trường Mầm non Long Hòa đạt giải III; 02 giáo viên đạt giải khuyến khích thuộc trường Mầm non Đồng Tranh và Mầm non Cần Thạnh.

Năm học 2022-2023 có 04 giáo viên tham gia Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi chủ đề “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ” cấp Thành phố (đang chờ kết quả).

+ Đối với trẻ: Trẻ được trực tiếp trải nghiệm khám phá tìm tòi, biết quan sát và lắng nghe, biết đặt câu hỏi, biết suy nghĩ, liên ý tưởng phù hợp khả năng của trẻ làm trẻ thích thú, mạnh dạn, tự tin, tự mình khám phá, tự mình tham gia thực hành theo ý tưởng của trẻ đủ cả 5 lĩnh vực phát triển. Trẻ ngày càng hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động, các kỹ năng học tập cần thiết được rèn luyện thường xuyên tạo nền tảng tốt khi trẻ bước vào lớp 1.

+ Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như sau:

Một số nhóm, lớp đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở một số trường còn thiếu, chưa đồng bộ: thiếu kỹ nhân cho trẻ, chưa lót sàn gỗ các phòng chức năng.

Một số đơn vị đầu tư, xây dựng môi trường bên ngoài chưa phong phú, đa dạng các khu vận động cho trẻ.

Một số giáo viên chưa phát huy hết năng lực chuyên môn nên việc vận dụng trong công tác giảng dạy chưa linh hoạt, sáng tạo.

Một số giáo viên còn lúng túng, chưa nắm những phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của trẻ; chưa cùng với trẻ nêu ra những ý tưởng, những trò chơi, sản phẩm thiết kế cho môi trường trong lớp.

Một số nhóm lớp hình ảnh, kiểu chữ, các bài tập... ở các góc còn chưa phù hợp, còn quá to hoặc quá nhỏ. Bố trí các góc và trang trí chưa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo: Trang trí còn phức tạp, màu sắc quá nóng, chưa thể hiện nhiều hoạt động cho trẻ, vẫn còn một vài lớp trưng bày quá nhiều đồ dùng, đồ chơi, có lớp lại ít đồ chơi không đủ cho trẻ hoạt động...

Một số cha mẹ học sinh kinh tế gia đình khó khăn, cha mẹ ly hôn, một số trẻ ở với ông bà lớn tuổi... nên chưa có quan tâm đúng mức và phối hợp tốt với giáo viên và nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Việc xây dựng kho tài liệu, học liệu trực dùng chung (đánh giá hiệu quả, chia sẻ cách khai thác hiệu quả, minh chứng....)

Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kho tài liệu, học liệu trực dùng chung nhằm giúp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau trong chuyên môn; hỗ trợ đến giáo viên sử dụng sáng tạo vào công tác soạn giảng; Khi sử dụng đội ngũ bấm vào đường link <https://www.notion.so/thongto/99818b0020a348939225256cf51dd0ee?v=008b6ba4323d4b5ea7b21559ff7b4ec0>.

Ở mỗi đơn vị có đường link của đơn vị; khi có những video clip, Hội thi, bài dạy hoặc những hoạt động nổi bật các đơn vị gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định trước khi truyền tải lên đường link.

- Tổ chức các hội thảo...; số lần; số người tham dự: Năm học 2022-2023 Phòng Giáo dục và Đào tạo không tổ chức Hội thảo, chủ yếu tổ chức các buổi Hội nghị chuyên môn; Hội nghị sơ kết, tổng kết; Hội thi...

- Công tác quản lý chất lượng, hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT.....số trẻ tham gia.....; tỷ lệ.....

Năm học 2022-2023 huyện Cần Giờ có 10/11 trường tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh, tỷ lệ 90,9%, tăng 08 trường so với năm học trước (trừ Mầm non Thạnh An), số học sinh 1113 trẻ. Tăng 944 trẻ so với năm học trước.

Thực hiện tốt các yêu cầu được quy định tại Thông tư ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo.

Về chương trình, đơn vị liên kết:

+ Tên các Chương trình đang triển khai: Chương trình tiếng Anh Amanda and friends; Chương trình My Little Adventure 1, 2, 3 của NXB GD Việt Nam.

+ Tên các trung tâm liên kết: Công ty TNHH EDUCATION SOLUTIONS Việt Nam; Trung Tâm Anh Ngữ Học với Nhau.

+ Mức học phí: Tất cả các trường có mức: Bình quân: 200.000 đồng/học sinh/tháng (tất cả các trường có một mức học phí).

Tài liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

Về cơ sở vật chất phục vụ dạy học tiếng Anh: Số phòng học tiếng Anh đủ đáp ứng việc tổ chức giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- *Kết quả Hội thi “Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp Thành phố”*: Năm học 2022-2023 có 04 giáo viên tham gia Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi chủ đề “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ” cấp Thành phố (đang chờ kết quả).

- *Việc triển khai thực hiện thử nghiệm Chương trình GDMN mới*

Trên cơ sở văn bản Kế hoạch số 4461/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch thử nghiệm Chương trình Giáo dục Mầm non mới; Công văn số 4482/SGDĐT-GDMN ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch thử nghiệm Chương trình Giáo dục mầm non mới, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch số 1733/KH-GDĐT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về Kế hoạch thử nghiệm Chương trình Giáo dục mầm non mới và triển khai thực hiện.

Đơn vị triển khai thử nghiệm: Trường Mầm non Cần Thạnh 2.

Nội dung triển khai thử nghiệm gồm:

- Cụ thể hoá kết quả mong đợi trong Chương trình GDMN mới theo từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ em tại địa phương.

- Cụ thể hoá khung nội dung giáo dục trong Chương trình GDMN mới thành nội dung giáo dục cho từng độ tuổi, phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ em và văn hoá địa phương.

- Xây dựng hệ thống nội dung tích hợp dưới dạng chủ đề, sự kiện, dự án phù hợp với kinh nghiệm sống của trẻ, bối cảnh văn hoá địa phương.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn ở từng cơ sở GDMN.

- Thực hành phương pháp chăm sóc, giáo dục đáp ứng và phương pháp tổ chức cho trẻ em học qua chơi và trải nghiệm ở từng lĩnh vực Thể chất; Toán; Khám phá khoa học và công nghệ; Ngôn ngữ; Tình cảm- xã hội; Nghệ Thuật ở các nhóm, lớp thử nghiệm.

- Thực hành đánh giá sự phát triển của trẻ em hàng ngày và theo quá trình để hỗ trợ trẻ em phát triển liên tục trong các nhóm, lớp thử nghiệm.

Kết quả:

Giai đoạn 1: Đã tập huấn bồi dưỡng hướng dẫn các cán bộ quản lý, giáo viên tham gia thực hiện thử nghiệm chương trình Giáo dục mầm non mới. Tổ chức khảo sát lấy ý kiến về khung kết quả mong đợi Nhà trẻ, mẫu giáo của 3 đối tượng (CBQL; GVMN và cha mẹ trẻ); cụ thể hoá kết quả mong đợi Chương trình GDMN mới theo từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ em tại địa phương; Xây dựng kế hoạch giáo dục năm, tháng (gồm chủ đề, dự án), ngày và đánh giá trẻ... Tiếp và làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Nghiên cứu giáo dục, trường Cao Đẳng sư phạm trung

ương, Sở Giáo dục và Đào tạo giám sát việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới giai đoạn 1 vào ngày 24 tháng 11 năm 2022.

Giai đoạn 2:

Tiếp tục tham gia tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về chương trình Giáo dục mầm non mới (dự thảo 1). Tiếp tục triển khai Xây dựng kế hoạch giáo dục năm, tháng (gồm chủ đề, dự án), ngày và đánh giá trẻ tháng 3,4,5... Tiếp và làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Nghiên cứu giáo dục, trường Cao Đẳng sư phạm trung ương, Sở Giáo dục và Đào tạo giám sát việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới giai đoạn 1 vào ngày 24 tháng 4 năm 2023.

- *Biện pháp áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến:* Không.

- *Việc khai thác, cải tạo, sửa chữa, xây dựng các phòng tổ chức hoạt động cho trẻ: phòng học thông minh; phòng học Stem, Steam, phòng học mô hình trường tiên tiến, phòng hoạt động tạo hình.....vv... (tên các phòng cụ thể, kinh phí, nguồn kinh phí....; hiệu quả hoạt động...):* Không.

- *Việc thực hiện quản lý, lựa chọn, sử dụng đồ chơi, tài liệu, học liệu theo quy định...*

Trên cơ sở Điều 26 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 sau đây gọi là Luật Giáo dục năm 2019; Điều 11 Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non và căn cứ vào yêu cầu, nguyên tắc lựa chọn đồ chơi, học liệu; kế hoạch thực hiện năm học 2022-2023; kế hoạch thực hiện chuyên đề năm học 2022-2023 và từ thực tiễn các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại các đơn vị, các cơ sở giáo dục đã tiến hành rà soát, phân loại đồ chơi, học liệu hiện có. Trên cơ sở danh mục đồ chơi, học liệu do giáo viên và cán bộ quản lý đề xuất, Hiệu trưởng tổ chức Hội đồng lựa chọn đồ chơi, học liệu. Danh mục đồ chơi, học liệu được đề xuất lựa chọn có chữ ký của tổ chuyên môn, đại diện giáo viên nhóm/ lớp và Phó hiệu trưởng phụ trách trước khi tiến hành mua sắm.

Kết quả thực hiện: Các đồ chơi khi mua sắm có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện theo các quy định hiện hành. Đồ chơi, học liệu bảo đảm các yêu cầu được quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương 2 Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020, 100% đơn vị khi lựa chọn mua sắm đồ chơi, học liệu nhà trường có căn cứ vào nhu cầu thực tế thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; phát triển Chương trình giáo dục mầm non; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch thực hiện chuyên đề năm học 2022-2023 của các đơn vị; có căn cứ vào điều kiện thực tế: về vật chất và bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Đối với đồ chơi, học liệu cho trẻ: 11/11 trường mầm non thành lập Hội đồng tổ chức lựa chọn, khai thác, sử dụng đồ chơi, học liệu theo quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Đối với tài liệu cho giáo viên: 11/11 trường mầm non thành lập Hội đồng tổ chức lựa chọn tài liệu sử dụng trong nhà trường được quy định tại Chương III, Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy trình biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non.

- *Đón các đoàn tình bạn trao đổi học tập kinh nghiệm:* Không.

- *Phối hợp kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công khai chương trình và chất lượng thực hiện chương trình đối với các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài:* Không.

- Số trường 03 có trẻ học hoà nhập; số lớp 10 lớp; số trẻ 12; một số nội dung tổ chức hoạt động:...

Các trường mầm non thực hiện tốt công tác tuyên truyền về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, chống phân biệt đối xử đối với trẻ khuyết tật, kì thị đối với trẻ nhiễm HIV cho giáo viên, nhân viên của nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn phụ huynh đưa trẻ đến trung tâm y tế địa phương để thẩm định chuyên khoa xác định mức độ khuyết tật của trẻ.

Bồi dưỡng công tác phát hiện chẩn đoán và xây dựng kế hoạch cá nhân cho trẻ khuyết tật học hoà nhập trong trường mầm non.

Bồi dưỡng xây dựng kế hoạch cá nhân cho trẻ khuyết tật trong chương trình can thiệp sớm; bồi dưỡng Bộ công cụ M.CHAT trẻ khuyết tật trong trường mầm non.

Bồi dưỡng về các dạng tật và thực hiện hồ sơ cho trẻ khuyết tật học hoà nhập trong trường mầm non.

Phối hợp với cấp Tiểu học thực hiện việc chuyển giao trẻ khuyết tật mầm non vào tiểu học, đảm bảo quá trình giáo dục của trẻ được liên thông giữa hai cấp học.

Tiếp tục thực hiện chế độ trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập tại các trường mầm non theo quy định.

6. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Số CBQL: 28 người

Số giáo viên: 223 người

- Giáo viên có trình độ đào tạo chưa đạt chuẩn: 11/223, tỷ lệ 4,9%

- Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn: 29/223, tỷ lệ 13%

- Giáo viên có trình độ trên chuẩn: 183/223, tỷ lệ 82,1%

+ Số giáo viên hợp đồng làm việc (biên chế): 219

+ Số giáo viên hợp đồng lao động: 4

+ Tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp 2,3

+ Số giáo viên còn thiếu: không

- ***Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn:***

+ Số lớp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn... (nội dung, số lớp, số người tham dự, đơn vị phối hợp..., kinh phí...):

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ phối hợp với trường Đại học Sài Gòn tổ chức 01 lớp bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non; số giáo viên tham dự 222 giáo viên; kinh phí bồi dưỡng 1.600.000 đồng/giáo viên, tổng cộng 355.200.000 đồng; nội dung bồi dưỡng và số tiết cụ thể:

STT	Mã mô đun	Tên mô đun	Số tiết	Ghi chú
1	GVMN 13	Tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ em theo quan điểm giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm	20	
2	GVMN 14	Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ/tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	40	
3	GVMN 16	Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	20	
Tổng			80	

+ Biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn...

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn là hoạt động cần thiết để thúc đẩy việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các trường mầm non. Qua sinh hoạt chuyên môn đã tạo cơ hội cho đội ngũ giáo viên mầm non được chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, được cơ hội học tập trong thực tế và ứng dụng thử nghiệm những cái mới, phát huy tính sáng tạo, trí tuệ tập thể, nâng cao năng lực chuyên môn và công tác quản lý trong giai đoạn đổi mới giáo dục. Biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn:

Trong việc quản lý, chỉ đạo tổ chức sinh hoạt chuyên môn của các đơn vị cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và giáo viên trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn. Nâng cao công tác quản lý của Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức chỉ đạo tổ chức sinh hoạt chuyên môn của đơn vị; Hướng dẫn tổ chuyên môn lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của tổ chuyên môn và đơn vị; Tổ chức lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn; định hướng Tổ trưởng chuyên môn các bước lập kế hoạch sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của tổ chuyên môn và đơn vị cần phải xác định các điều kiện thực tế của trường mầm non.

Thực hiện dự giờ, thao giảng, hội thảo... giáo viên đa dạng nội dung sinh hoạt chuyên môn góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên và chất lượng sinh hoạt chuyên môn; Tổ chức đánh giá sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị.

Để việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của trường mầm non được tổ chức cấp tổ và cấp trường có đạt hiệu quả hay không thì sau khi tổ chức Tổ trưởng chuyên môn, Phó Hiệu trưởng (trực tiếp tổ chức sinh hoạt chuyên môn của đơn vị) và Hiệu trưởng phải tổ chức đánh giá kết quả buổi sinh hoạt chuyên môn theo các nội dung sau: *Về nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên; về mục tiêu sinh hoạt chuyên môn đã đáp ứng được việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên chưa? đã đáp ứng nhu cầu, mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em trên cơ sở phù hợp với các điều kiện thực tế của đơn vị chưa? cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, học liệu được sử dụng hợp lý và hiệu quả chưa?; Về nội dung sinh hoạt chuyên môn đảm bảo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, gắn với nhiệm vụ chuyên môn theo kế hoạch năm học của nhà trường không?; Về hình thức tổ chức có linh hoạt, đa dạng chưa? địa điểm, không gian thuận lợi cho đa số giáo viên tham gia hay không? có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong buổi sinh hoạt?; Về kết quả thực hiện sinh hoạt chuyên môn được tổ chức đạt được tương thích với mục tiêu đề ra và điều kiện hiện có của nhà trường, tổ, cá nhân hay không? và rút ra kinh nghiệm gì để nâng cao chất lượng: qua các kỳ sinh hoạt chuyên môn giáo viên có rút ra kinh nghiệm gì? Đề ra biện pháp gì để phát huy và khắc phục những ưu điểm, hạn chế? Biện pháp đó mang đến hiệu quả thế nào?.*

Kết quả: 11/11 trường mầm non tổ chức đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn tại đơn vị; tổ chức sinh hoạt ít nhất 02 lần/tháng theo quy định.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số với GDMN

- Việc thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục mầm non:

Chỉ đạo các trường mầm non thực hiện chuyển đổi số trong quản lý giáo dục mầm non như tạo đường link lưu trữ kho học liệu tại đơn vị; Hình thành và duy trì hiệu quả hoạt động các nhóm qua zalo lớp, youtube... giữa Ban giám hiệu với giáo viên, giữa giáo viên và cha mẹ học sinh để chia sẻ, tư vấn việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phân công giáo viên phụ trách nhóm, lớp nắm bắt cụ thể về tình hình sức khỏe của trẻ em trong quá trình chăm sóc, giáo dục; sử dụng phần mềm Mindjet MindManager trong theo dõi, kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên; triển khai dịch vụ trực tuyến: Hướng dẫn cha mẹ học sinh đăng ký hồ sơ nhập học cho con; thực hiện tuyển sinh trẻ 5 tuổi; thực hiện thu phí dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt tại 11/11 trường mầm non, tỷ lệ 100%.

- Việc triển khai các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý... được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, (tên phần mềm ứng dụng)... Số đơn vị sử dụng phần mềm....; tỷ lệ (%)...; đảm bảo tính liên thông trực tuyến từ cơ sở GDMN tới cấp Phòng, Sở để đảm bảo chất lượng quản lý, giám sát.

Có 11/11 trường mầm non, tỷ lệ 100% triển khai các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý.

Tên các ứng dụng phần mềm: Phần mềm quản lý văn thư; Phần mềm quản lý nhân sự; Phần mềm quản lý hồ sơ điện tử của phòng nội vụ. Phần mềm quản lý kế toán gồm: Phần mềm Imas; Phần mềm thuế 3.8.6; Phần mềm Bảo hiểm; Phần mềm Vietec; phần mềm SSC; Phần mềm quản lý tài sản...

Đảm bảo tính liên thông trực tuyến từ cơ sở GDMN tới cấp phòng, sở để đảm bảo chất lượng quản lý, giám sát: Phòng Giáo dục và Đào tạo đã khai thác và chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non khai thác nguồn tài liệu, học liệu trên mạng Internet: Sử dụng các trang mạng tìm kiếm lớn như: Google, Yahoo,...

11/11 trường mầm non có cổng Thông tin điện tử được tích hợp trong Hệ thống Cổng Thông tin điện tử của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

11/11 trường mầm non tham dự tập huấn cho cán bộ phụ trách phần mềm CSDL đơn vị theo Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019. Triển khai thực hiện nghiêm túc tại đơn vị và báo cáo đúng theo thời gian quy định.

11/11 trường mầm non thực hiện việc sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng thực hiện của giáo viên theo Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019

Các trường mầm non đã từng bước đã sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử thay cho các loại hồ sơ, sổ sách hiện hành theo lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng thực hiện của giáo viên.

- *Việc triển khai rà soát, hoàn thiện cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành...* Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 813/GDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện cập nhật mã định danh trẻ học mầm non trên địa bàn huyện, theo đó yêu cầu Hiệu trưởng các trường mầm non thực hiện cập nhật mã định danh cho trẻ. Kết quả có 11/11 trường mầm non đã hoàn thiện việc cập nhật mã định danh của trẻ; số trẻ có mã định danh: 2873/2874 tỷ lệ 99,96%; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo quy định.

- *Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ:* 11/11 trường mầm non có hệ thống kết nối mạng nội bộ, 100% giáo viên thực hiện Chương trình Mindjet MindManager trong lập kế hoạch giáo dục; Ứng dụng CNTT trong việc báo cáo, thỉnh thị. máy vi tính kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ứng dụng CNTT trong quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ. Riêng 100% lớp 5-6 tuổi trang bị máy để trẻ được học tập và vui chơi các phần mềm chữ viết và học toán.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non

- *Việc phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thông tin truyền thông về GDMN; các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ...; số lượng tin bài....; nội dung; đơn vị phối hợp... (minh chứng)*

Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông huyện tổ chức truyền thông về giáo dục mầm non như các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục sửa đổi năm 2019; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo

dục mầm non giai đoạn 2018-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ căn cứ Quyết định số 4904/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025; tham mưu Ủy ban Nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn huyện Cần Giờ và các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ như Giáo dục an toàn giao thông trong trường mầm non, Chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm... Số bài truyền thông 09 bài; số lượt phát thanh 18 lượt... Bên cạnh đó phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường mầm non phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức truyền thông đến cha mẹ học sinh và cộng đồng các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục mầm non trên địa bàn...

- Các hình thức, nội dung để phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ...

+ Hình thức: Thông qua trao đổi hằng ngày (giờ đón- trả trẻ), niêm yết bài tin ở bản tin lớp/ trường, qua website trường, qua Zalo nhóm/ lớp/ trường; các buổi họp cha mẹ học sinh...

+ Nội dung:

Truyền thông về kiến thức giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng: Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong các trường mầm non; nâng cao chất lượng tổ chức bữa ăn bán trú cho trẻ; nâng cao chất lượng thực hiện, phát triển Chương trình giáo dục mầm non, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục: “lấy trẻ làm trung tâm”; ưu tiên các nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi; công tác kiểm định chất lượng, công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Truyền thông về kết quả thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; kết quả đánh giá trẻ hoàn thành chương trình GDMN; kết quả trẻ hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi; kết quả danh hiệu Bé khỏe- Bé ngoan...

9. Việc thực hiện các kế hoạch, đề án, Nghị quyết

- Kết quả triển khai Kế hoạch số 3624/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 6964/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành công văn số 1242/GDDT ngày 09 tháng 09 năm 2023 về việc thực hiện chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo học tại các trường Mầm non huyện Cần Giờ năm học 2022-2023 theo định mức và đối tượng đúng quy định. Trong năm học đã hỗ trợ mức 160.000/tháng/trẻ; tổng số tiền hỗ trợ 1.121.760.000 đồng

Thực hiện đầy đủ các chế độ trợ cấp cho trẻ như: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- *Kết quả triển khai Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh: Không có.*

- *Đánh giá việc thực hiện Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh đến các trường mầm non; huyện Cần Giờ không có trường tiên tiến hội nhập quốc tế.

- *Thực hiện Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14/6/2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung.*

Số CBQL, giáo viên, nhân viên được hỗ trợ 264; tổng kinh phí 2.855.058.320 đồng

Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên ngoài công lập theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND (số lớp; số CBQL, GV, NV? Kinh phí....?) không có.

- *Thực hiện Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung... Kinh phí 2.405.105.000 đồng.*

- Thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 -18 tháng tuổi

+ Số trường: 01

+ Số nhóm trẻ: 6-12 tháng 00; 13-18 tháng 00 (CL 00; NCL 00); số nhóm ghép: 01 (CL: 01; NCL 00)

+ Số trẻ: 6-12 tháng 00; 13-18 tháng: 09 (CL: 09; NCL 00).

- *Việc thực hiện kế hoạch “Hỗ trợ giữ trẻ ngoài giờ cho con công nhân tại khu chế xuất và khu công nghiệp”. Số trường (tên trường cụ thể); số trẻ; kinh phí; Thuận lợi, khó khăn, kiến nghị, đề xuất: Không có*

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Đánh giá tóm tắt những điểm nhấn, nổi bật so với chỉ tiêu đề ra và so với cùng kỳ năm học trước

Trong năm học 2022-2023 Giáo dục Mầm non huyện Cần Giờ tiếp tục tập trung thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra trong kế hoạch; triển khai chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng đón trẻ đến trường khi tình hình dịch COVID-19 được kiểm soát và đảm bảo an toàn sức khỏe cho trẻ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non; chú trọng nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; chất lượng thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non sau sửa đổi, bổ sung; Tiếp tục phát huy mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; đạt kết quả nổi bật như sau:

Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực; xây dựng trường mầm non Xanh - An toàn - Thân thiện; tiếp tục giữ vững và nâng cao hiệu quả công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Không có trường hợp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn nghiệp vụ, không có trường hợp giáo viên có hành vi bạo hành với trẻ.

Thẩm định công nhận lại 03 trường mầm non đạt chất lượng giáo dục (Mầm non Lý Nhơn, Mầm non Cần Thạnh và Mầm non Tam Thôn Hiệp); thẩm định công nhận lại 02 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (Mầm non Cần Thạnh và trường Mầm non Tam Thôn Hiệp).

Tổ chức Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi cấp huyện chủ đề “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ”, kết quả 13/13 giáo viên đạt giải và cử 04 giáo viên thuộc đơn vị Mầm non Thạnh An, Mầm non An Thới Đông, Mầm non Tam Thôn Hiệp, Mầm non Đồng Tranh tham gia Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi chủ đề “Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ” cấp Thành phố (đang chờ kết quả).

Tổ chức Hội thi “Bé vẽ sáng tạo cùng Bitex” cấp huyện; Tham gia Hội thi “Bé vẽ sáng tạo cùng Bitex” cấp Thành phố, kết quả đạt 02 giải nhì (Mầm non Dơi Lầu và Mầm non Đồng Tranh), 03 giải ba (Mầm non Thạnh An, Mầm non Long Hòa, Mầm non Cần Thạnh) và 05 giải khuyến khích (Mầm non Long Hòa, Mầm non Bình Khánh, Mầm non Cần Thạnh).

Tham gia Hội thi “Năng lượng mới cả ngày vui” do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức; kết quả trường Mầm non Bình Khánh đạt giải I môn bóng đá, Mầm non Cần Thạnh đạt giải III môn đồng diễn.

Thực hiện thử nghiệm Chương trình Giáo dục mầm non mới theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị thử nghiệm trường Mầm non Cần Thạnh 2, tại 04 nhóm, lớp.

Năm học 2022-2023 huyện Cần Giờ có 10/11 trường tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh, tỷ lệ 90,9%, tăng 08 trường so với năm học trước (trừ Mầm non Thạnh An), số học sinh 1,113 trẻ. Tăng 944 trẻ so với năm học trước.

Tổ chức 03 chuyên đề, cụ thể chuyên đề “Tổ chức hoạt động phát triển thể chất trong trường mầm non” tại trường Mầm non Bình Khánh vào ngày 10 tháng 01 năm 2023 với 33 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự; chuyên đề “Thao tác vệ sinh cho trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo” tại trường Mầm non Long Hòa vào ngày 14 tháng 3 năm 2023 với

35 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự; chuyên đề “Tổ chức hoạt động cho trẻ Nhà trẻ làm quen với âm nhạc” tại trường Mầm non Bình An vào ngày 28 tháng 4 năm 2023 với 30 cán bộ quản lý, giáo viên tham dự.

11/11 trường, tỷ lệ 100% trường mầm non hoàn thành cập nhật mã định danh cho trẻ; Số trẻ được cập nhật mã định danh: 2873/2874 tỷ lệ 99,96%.

11/11 trường, tỷ lệ 100% trường mầm non tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2.

11/11 trường, tỷ lệ 100% trường mầm non đảm bảo an toàn cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

11/11 trường, tỷ lệ 100% trường mầm non sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện chương trình.

Tỷ lệ giáo viên nâng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục: 212/223, tỷ lệ 95% (chỉ tiêu chung của Sở Giáo dục và Đào tạo là 72%).

100% giáo viên tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; 100% cán bộ quản lý tự đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non.

Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến trường, lớp: 986/994, tỷ lệ: 99,2%; trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN: 986/986, tỷ lệ: 100%. Tổ chức cho trẻ 5 tuổi học bán trú và 2 buổi/ngày đạt 100%.

Số trẻ nhà trẻ được ăn bán trú: 479, tỷ lệ (%): 100%; Số trẻ mẫu giáo được ăn bán trú: 2225/2395, tỷ lệ: 93%.

2. Những khó khăn, hạn chế

Chỉ tiêu huy động trẻ dưới 3 tuổi, 3 và 4 tuổi vào học mẫu giáo chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra (trẻ dưới 3 tuổi đạt 479/2000, tỉ lệ: 24% (chỉ tiêu đề ra là 32% theo chỉ tiêu chung của Sở Giáo dục và Đào tạo); trẻ mẫu giáo đến trường, lớp: 2395/3423, tỷ lệ: 70% (chỉ tiêu đề ra là 92% theo chỉ tiêu chung của Sở Giáo dục và Đào tạo).

Một số trường, điểm trường cơ sở vật chất xuống cấp như trường Mầm non Cần Thạnh, bờ tường rào điểm trường Bà Xán thuộc trường Mầm non Bình An; điểm An Hòa thuộc trường Mầm non Tam Thôn Hiệp; 02 phòng học trường Mầm non Lý Nhơn, ... Một số đơn vị thiếu bàn, ghế cho trẻ ngồi hoạt động như Mầm non Bình Khánh, Mầm non Bình An...

Các trường mầm non trên địa bàn huyện còn khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ thanh toán không dùng tiền mặt

- Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế ở từng nội dung.

Công tác phối hợp huy động trẻ dưới 3 tuổi, 3 và 4 tuổi chưa đạt hiệu quả cao, người dân còn khó khăn trong việc đóng góp tiền ăn bán trú cho trẻ khi gửi trẻ học bán trú; khoảng cách giữa các điểm trường khá xa nên phụ huynh mất nhiều thời gian trong việc đưa và đón trẻ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị một số trường, điểm trường xây dựng đã lâu nên xuống cấp, kinh phí sửa chữa còn hạn chế nên tiến độ đầu tư, cải tạo, sửa chữa còn

chậm.

Do điều kiện địa lý, người dân đa số là nghề tự do, mặt khác, hệ thống ngân hàng và các điểm ATM chỉ có tại xã Bình Khánh và thị trấn Cần Thạnh, chưa có đều ở từng địa phương...nên còn trường hợp cha mẹ học sinh vẫn đóng tiền bằng hình thức tiền mặt.

- Các giải pháp sẽ thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Tiếp tục phối hợp các cấp, ngành, chính quyền địa phương thực hiện tốt hơn nữa công tác huy động trẻ đến trường.

Tiếp tục tham mưu lãnh đạo các cấp quan tâm đầu tư, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các trường mầm non, điểm trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ tại đơn vị.

Kiến nghị các cấp Lãnh đạo có thêm các điểm giao dịch như ngân hàng, cây ATM tại từng xã, thị trấn để thuận tiện cho cha mẹ học sinh trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các trường mầm non trên địa bàn.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Nơi nhận:

- Phòng GDMN Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Phòng GDĐT (Bà Phượng, Bà Châu);
- Tổ Mầm non (Bà Ánh, Bà Diệu);
- Các trường Mầm non;
- Văn phòng, thi đua (Ông Tín, bà Hoàng);
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Thị Kim Châu

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 2

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2022-2023
(Số liệu thống kê tại thời điểm 31/5/2023)
(Kèm theo BC số 993../BC-GDDT, ngày 13 tháng 6 năm 2023)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm học 2022-2023
A	NHÀ TRẺ, TRƯỜNG MẪU GIÁO, TRƯỜNG MẦM NON		
I	Tổng số	trường	11
	Nhà trẻ	trường	0
	Trường mẫu giáo	trường	0
	Trường mầm non	trường	11
	Công lập (bao gồm: Nhà trẻ, Trường MG, Trường MN)	trường	11
	Trường đạt chuẩn quốc gia	trường	9
	Trường đạt chuẩn quốc gia công nhận mới trong năm học 2022-2023	trường	0
	Số cơ sở GDMN thực hiện Chương trình tích hợp	cơ sở	0
	Số cơ sở GDMN tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	cơ sở	10
	Số cơ sở GDMN được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	cơ sở	11
II	Nhóm, lớp	nhóm, lớp	99
	Nhóm trẻ	nhóm	17
	Lớp mẫu giáo	lớp	82
	Nhóm, lớp công lập (bao gồm cả nhóm trẻ và lớp mẫu giáo)	nhóm, lớp	99
III	Trẻ em	người	
3.1	Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi	người	2000
	Trẻ em nhà trẻ đến trường, lớp	người	479
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	người	479
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	người	479
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	người	1
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	người	1
3.2	Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi	người	3423
	Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	người	2395
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	người	1113
	Trẻ em mẫu giáo được học 2 buổi/ngày	người	2378
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	người	2225
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	người	12
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	người	12

3.3	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp	người	986
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2 buổi/ngày	người	986
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	người	867
	Tổng số trẻ em công lập (bao gồm cả nhà trẻ và mẫu giáo)	người	2874
	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	479
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	5
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	3
	Trẻ thừa cân, béo phì	người	45
	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	2395
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	15
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	8
	Trẻ thừa cân, béo phì	người	647
IV	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	441
4.1	Cán bộ quản lý	người	28
4.1.1	Hiệu trưởng	người	11
	- Hiệu trưởng nhà trẻ	người	0
	- Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	11
4.1.2	Phó Hiệu trưởng	người	17
	- Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	0
	- Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	17
	Tổng số Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng công lập (bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo)	người	28
4.2	Giáo viên	người	223
4.2.1	Giáo viên nhà trẻ	người	46
	Đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	44
	Trên chuẩn	người	34
4.2.2	Giáo viên mẫu giáo	người	177
	Đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	168
	Trên chuẩn	người	149
4.2.3	Tổng số giáo viên công lập (bao gồm cả giáo viên nhà trẻ và mẫu giáo)	người	223
4.3	Nhân viên	người	190
4.3.1	Nhân viên nhà trẻ	người	0
4.3.2	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	190
4.3.3	Tổng số nhân viên công lập (bao gồm cả nhân viên nhà trẻ và mẫu giáo)	người	190
V	Tổng số Phòng học	phòng	132
5.1	Trong đó: Phòng học kiên cố	phòng	132
5.2	Phòng học bán kiên cố	phòng	0
5.3	Phòng học tạm	phòng	0
5.4	Phòng học nhờ, mượn	phòng	0

5.5	Tổng số phòng học công lập (bao gồm phòng học kiên cố, bán kiên cố, tạm)	phòng	132
VI	Tổng số phòng phục vụ học tập	phòng	139
6.1	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	phòng	26
6.2	Nhà bếp	phòng	14
6.3	Nhà vệ sinh	phòng	99
VII	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	Bộ	99
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ)	điểm	19
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ) có sân chơi	điểm	19
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ) có nhà bếp	điểm	14
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ) có nhà vệ sinh	điểm	19
	Số điểm trường lẻ	điểm	8
	Số điểm trường lẻ có sân chơi	điểm	8
	Số điểm trường lẻ có nhà bếp	điểm	3
	Số điểm trường lẻ có nhà vệ sinh	điểm	8
	Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	Nhóm, lớp	99
	Số trường có phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	Trường	11
	Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định	Trường	11
VIII	Tổng số đơn vị cấp xã	xã	7
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNTE5T	xã	7
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	1
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNTE5T	huyện	1
B	NHÓM TRẺ ĐỘC LẬP, LỚP MẪU GIÁO ĐỘC LẬP, LỚP MẦM NON ĐỘC LẬP		0
I	Tổng số	cơ sở	0
1	Cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép	cơ sở	0
2	Cơ sở GDMN độc lập (đang hoạt động) chưa cấp phép	cơ sở	0
3	Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ	cơ sở	0
4	Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ	cơ sở	0
5	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	0
6	Lớp mầm non độc lập	cơ sở	0
7	Cơ sở GDMN độc lập có tổng số trẻ vượt quá quy định	cơ sở	0
II	Nhóm, lớp bên trong nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	nhóm, lớp	0
1	Nhóm trẻ	nhóm	0

2	Nhóm trẻ ghép	nhóm	0
3	Lớp mẫu giáo	lớp	0
4	Lớp mẫu giáo ghép	lớp	0
5	Lớp mầm non ghép	lớp	0
III	Trẻ em	người	0
1	Trẻ em nhà trẻ	người	0
1.1	Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi	người	0
1.2	Trẻ em nhà trẻ đến nhóm, lớp	người	0
1.3	Trẻ em nhà trẻ được học 2buổi/ngày	người	0
1.4	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	người	0
2	Trẻ em mẫu giáo	người	0
2.1	Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi	người	0
2.2	Trẻ em mẫu giáo đến nhóm lớp	người	0
2.3	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	người	0
2.4	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	người	0
2.5	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	người	0
3	Trẻ em 5 - 6 tuổi	người	0
3.1	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi	người	0
3.2	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến nhóm, lớp	người	0
3.3	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	người	0
3.4	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	người	0
4	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	0
4.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	0
4.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	0
4.3	Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	0
4.4	Trẻ thừa cân, béo phì	người	0
5	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	0
5.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	0
5.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	0
5.3	Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	0
5.4	Trẻ thừa cân, béo phì	người	0
IV	Tổng số nhân sự trong các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	người	0
1	Chủ cơ sở	người	0
1.1	Trung học phổ thông trở lên		0
1.2	Dưới trung học phổ thông		0
2	Quản lý chuyên môn	người	0
2.1	Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên		0
2.2	Dưới cao đẳng sư phạm mầm non		0

3	Giáo viên	người	0
3.1	Đại học sư phạm mầm non trở lên		0
3.2	Cao đẳng sư phạm mầm non		0
3.3	Trung cấp sư phạm mầm non	người	0
3.4	Dưới trung cấp	người	0
4	Nhân viên	người	0
4.1	Có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
4.2	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
5	Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	người	0
5.1	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	0
5.2	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	0
5.3	Trung cấp sư phạm mầm non	người	0
5.4	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non	người	0
5.5	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
V	Cơ sở vật chất		0
1	Có vị trí đặt cơ sở theo quy định	cơ sở	0
2	Có hạng mục công trình theo quy định	cơ sở	0
3	Có phòng NDCSGD trẻ em theo quy định	cơ sở	0
4	Có phòng vệ sinh cho trẻ em theo quy định	cơ sở	0
5	Có chỗ chơi hoặc sân chơi cho trẻ em theo quy định	cơ sở	0
6	Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định	cơ sở	0
7	Có chấn song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định	cơ sở	0
8	Có nước nóng và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định	cơ sở	0
9	Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định	cơ sở	0

Người lập bảng



Lê Xuân Diệu

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Kim Châu

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2022-2023

(Mẫu thống kê số liệu kèm theo Công văn số 4216/BGDĐT-GDMN, ngày 30/8/2022 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2022-2023)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm học 2022-2023
I	Cơ sở giáo dục mầm non		
1.1	Trường	trường	11
	Nhà trẻ	trường	0
	Trường mẫu giáo	trường	0
	Trường mầm non	trường	11
	Trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN)	trường	11
	Trường đạt chuẩn quốc gia	trường	9
	Số trường đạt chuẩn quốc gia công nhận mới trong năm học 2022-2023	trường	0
	Số trường hoàn thành công tác tự đánh giá trong năm học 2022-2023	trường	11
	Số trường đăng ký đánh giá ngoài trong năm học 2022-2023	trường	3
	Số trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục	trường	10
	Số trường thực hiện Chương trình tích hợp	trường	0
	Số trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	trường	10
	Số trường được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	trường	11
	Tổng số điểm trường (bao gồm cả điểm chính và điểm lẻ)	điểm	19
	Số điểm trường lẻ	điểm	8
1.2	Cơ sở GDMN độc lập (nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập)		0
	Tổng số	cơ sở	0
	Cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép	cơ sở	0
	Cơ sở GDMN độc lập (đang hoạt động) chưa cấp phép	cơ sở	0
	Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ	cơ sở	0
	Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ	cơ sở	0
	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	0
	Lớp mầm non độc lập	cơ sở	0
	Cơ sở GDMN độc lập có số tổng số trẻ vượt quá quy định	cơ sở	0
	Số cơ sở GDMN độc lập thực hiện Chương trình tích hợp	cơ sở	0
	Số cơ sở GDMN độc lập tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	cơ sở	0
	Số cơ sở GDMN độc lập được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	cơ sở	90
II.	Tổng số nhóm, lớp	nhóm, lớp	90
	Tổng số nhóm, lớp công lập	nhóm, lớp	90
2.1.	Tổng số nhóm, lớp trong trường	nhóm, lớp	99

	Nhóm trẻ	nhóm	17
	Lớp mẫu giáo	lớp	82
2.2.	Tổng số nhóm, lớp bên trong nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	nhóm, lớp	0
	Nhóm trẻ	nhóm	0
	Nhóm trẻ ghép	nhóm	0
	Lớp mẫu giáo	lớp	0
	Lớp mẫu giáo ghép	lớp	0
	Lớp mầm non ghép	lớp	0
III.	Trẻ em	trẻ	5,423
3.1	Thống kê về trẻ em nhà trẻ		99
	Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi	trẻ	2,000
	Trẻ em nhà trẻ đến cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm trường và cơ sở GDMN độc lập)	trẻ	479
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	trẻ	479
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	479
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	1
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	1
	Trẻ em nhà trẻ công lập	trẻ	479
3.1.1	Trẻ em nhà trẻ trong nhà trường	trẻ	479
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	trẻ	479
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	479
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	1
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	1
3.1.2	Trẻ em nhà trẻ trong cơ sở GDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0
3.2	Thống kê về trẻ em mẫu giáo		
	Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi	trẻ	3,423
	Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	trẻ	2,395
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	1,113
	Trẻ em mẫu giáo được học 2 buổi/ngày	trẻ	2,378
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	2,225
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	12
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	12
	Trẻ em mẫu giáo công lập	trẻ	2,395
3.2.1.	Trẻ em mẫu giáo trong trường	trẻ	2,395
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	1,113

	Trẻ thừa cân, béo phì trong trường	trẻ	647
3.5.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập	trẻ	0
IV.	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	441
	Tổng số cán bộ quản lý	người	28
	Số cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	28
	Số cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	28
	Tổng số giáo viên	người	223
	Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	212
	Số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	183
	Tổng số nhân viên	người	190
	Tổng số cán bộ quản lý trong biên chế	người	28
	Tổng số giáo viên trong biên chế	người	219
	Tổng số cán bộ quản lý công lập	người	28
	Tổng số giáo viên công lập	người	223
	Tổng số nhân viên công lập	người	190
4.1	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong trường	người	441
4.1.1	Cán bộ quản lý	người	28
a	Hiệu trưởng	người	11
	Hiệu trưởng nhà trẻ	người	0
	Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	11
b	Phó Hiệu trưởng	người	17
	Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	0
	Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	17
4.1.2	Giáo viên	người	223
a	Tổng số giáo viên nhà trẻ	người	46
	Số giáo viên nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	44
	Số giáo viên nhà trẻ có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	34
b	Giáo viên mẫu giáo	người	177
	Số giáo viên mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	168
	Số giáo viên mẫu giáo có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	149
4.1.3	Nhân viên	người	190
a	Nhân viên nhà trẻ	người	0
b	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	190
4.2	Tổng số nhân sự trong các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	người	0
4.2.1	Chủ cơ sở	người	0
a	Trung học phổ thông trở lên	người	0

	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	2,378
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	2,225
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	12
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	12
3.2.1.	Trẻ em mẫu giáo trong cơ sở GDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0
3.3	Thống kê về trẻ em 5 - 6 tuổi		
	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi	trẻ	994
	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp	trẻ	986
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	986
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	867
	Trẻ em 5 - 6 tuổi công lập	trẻ	867
3.3.1	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong trường	trẻ	986
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	986
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	867
3.3.2	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong cơ sở GDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	0
3.4	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	479
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	5
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	3
	Trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	45
3.4.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường	trẻ	5
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường	trẻ	3
	Trẻ thừa cân, béo phì trong trường	trẻ	45
3.4.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập	trẻ	0
	Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập	trẻ	0
3.5	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	trẻ	2,395
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	15
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	8
	Trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	647
3.5.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường	trẻ	15
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường	trẻ	8

b	Dưới trung học phổ thông	người	0
4.2.2	Quản lý chuyên môn	người	0
a	Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên	người	0
b	Dưới cao đẳng sư phạm mầm non	người	0
4.2.3	Giáo viên	người	0
a	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	0
b	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	0
c	Trung cấp sư phạm mầm non	người	0
d	Dưới trung cấp	người	0
4.2.4	Nhân viên	người	0
a	Có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
b	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
4.2.5	Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	người	0
a	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	0
b	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	0
c	Trung cấp sư phạm mầm non	người	0
d	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non	người	0
e	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	0
V.	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	phòng	99
	Phòng kiên cố	phòng	99
	Phòng bán kiên cố	phòng	0
	Phòng tạm	phòng	0
	Phòng nhờ, mượn	phòng	0
	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín	phòng	99
	Tổng số phòng công lập (bao gồm phòng kiên cố, bán kiên cố, tạm)	phòng	99
5.1	Phòng kiên cố trong trường	phòng	99
	Phòng bán kiên cố trong trường	phòng	99
	Phòng học tạm trong trường	phòng	0
5.2	Phòng kiên cố trong CSGDMN độc lập	phòng	0
	Phòng bán kiên cố trong CSGDMN độc lập	phòng	0
	Phòng tạm trong CSGDMN độc lập	phòng	0
5.3	Tổng số phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	phòng	26
5.4	Khối phòng tổ chức ăn		28
	Tổng số nhà bếp	nhà bếp	14
	Tổng số kho bếp	kho bếp	14
5.5	Tổng số trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	trường	11
	Tổng số điểm trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	điểm	5
5.6	Tổng số trường có sân chơi	trường	11
	Số trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	trường	11
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	8

	Số điểm trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	điểm	8
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	8
	Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định	trường	11
	Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	nhóm, lớp	99
VI.	Cơ sở vật chất trong CSGDMN độc lập		0
6.1	Có vị trí đặt cơ sở theo quy định	cơ sở	0
6.2	Có hạng mục công trình theo quy định	cơ sở	0
6.3	Có phòng NDCSGD trẻ em theo quy định	cơ sở	0
6.4	Có phòng vệ sinh cho trẻ em theo quy định	cơ sở	0
6.5	Có chỗ chơi hoặc sân chơi cho trẻ em theo quy định	cơ sở	0
6.6	Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định	cơ sở	0
6.7	Có chân song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định	cơ sở	0
6.8	Có nước nóng và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định	cơ sở	0
6.9	Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định	cơ sở	0
VII.	Tổng số đơn vị cấp xã	xã	7
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNT5T	xã	7
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	1
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNT5T	huyện	1

Người lập biểu



Lê Xuân Diệu

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Kim Châu